

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Thu Thủy;

Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị D, sinh năm 1994, nơi cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1998, nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 5 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị D trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:* Về hôn nhân: Bà và ông Võ Thành Đ quen biết do mai mối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020. Từ khi cưới nhau thì vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ ruột của bà D tại thị trấn T, nhưng được 02 tháng thì sống ly thân, còn ông Đ thì bỏ về sống tại ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông Đ không tạo được lòng tin cho gia đình của bà D,

dụng chuyện lấy tiền của bà để tiêu xài, ngoài ra còn hay chơi bời thiếu nợ nần của người khác, do không thể tiếp tục chung sống được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay ông Võ Thành Đ đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị D và ông Võ Thành Đ có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm của cả hai không còn hạnh phúc, trong thời gian gần đây sống ly thân, điều đó cho thấy sự mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã A về nơi cư trú của Võ Thành Đ; Biên bản xác minh ngày 05/8/2020 tại Ban khóm I, thị trấn T, huyện T về tình trạng hôn nhân của bà D và ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị D vẫn giữ ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Võ Thành Đ thường trú tại ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Võ Thành Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Võ Thành Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020, ngày 24/02/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Theo bà D trình bày vợ chồng đã sống ly thân sau khi kết hôn được 02 tháng, đến nay không còn chung sống với nhau, theo Biên bản xác minh tại Ban khóm I, thị trấn Tri Tôn cho biết: “*Bà D kết hôn với ông Đ thì sinh sống tại nhà bà D được 02 tháng,từ tháng 4/2020 không thấy ông Đ sinh sống tại nhà D nữa...*”, điều này chứng minh giữa bà D và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, nên bà D yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với ông Võ Thành Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị D và ông Võ Thành Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020, ngày 24/02/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: TU/2017/0009370 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Võ Thị D đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h.T;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ